TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngài.
Ông Nguyễn Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ Thanh V, sinh năm: 1985 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp T, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Kim Thị Thúy D, sinh năm: 1991 *(Vắng mặt không lý do)*.

Địa chỉ: ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 08-12-2020, bản tự khai ngày 02-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Thanh V trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Kim Thị Thúy D đi đến hôn nhân do tự quen nhau, hai bên gia đình đồng ý, tiến hành lễ cưới vào năm 2012, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP vào ngày 04-01-2013. Nữ trang ngày cưới có 05 chỉ vàng 24K, nay lâu quá ông không nhớ gồm những gì và quá trình chung sống đã bán để làm lát nên hiện không còn. Sau ngày cưới, sống chung gia đình cha mẹ của ông. Chung sống với nhau chỉ được khoảng bảy tháng, thì bà D xin đi làm công ty và không biết lý do gì tự ý bà D bỏ đi khỏi nhà chồng về sống bên nhà cha mẹ ruột ở ấp TC, xã PT và ly thân với ông cho đến nay. Ông và cha mẹ ông có đến nhà cha

mẹ ruột bà D vài lần để động viên bà D quay về nhà chồng, nhưng bà D cương quyết không về. Do thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay đã rất lâu, không còn tình cảm với nhau nữa, không thể hàn gắn lại được. Nên ông yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kim Thị Thúy D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: Ông và bà Kim Thị Thúy D không có con chung; không có tài sản chung; không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của ông với bà D, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hồ Thanh V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

* *Đối với bị đơn bà Kim Thị Thúy D:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Diễm đều vắng mặt không lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp TC, xã PT cho biết từ trước đến nay bà D có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng nhà với cha mẹ ruột là ông Kim Ngọc K, bà Nguyễn Thị Th tại ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà D đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng bà D tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh V: Cho ông V được ly hôn với bà Kim Thị Thúy D. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V xác định không có; Bà D không có ý kiến trình bày, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Hồ Thanh V là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc làm, không có mặt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V theo luật định. Đối với bà Kim Thị Thúy D là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng bà D đều vắng mặt không lý do. Ngày 30-6-2021, Tòa án triệu tập hợp lệ bà để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 13 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng bà D vắng mặt không lý do. Ngày 08-7-2021, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bà D để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng bà D vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Kim Thị Thúy D.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy ông Hồ Thanh V và bà Kim Thị Thúy D xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2013 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP vào ngày 04-01-2013), nên hôn nhân của ông V, bà D là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng bà D tự ý bỏ đi khỏi nhà chồng và sống ly thân với ông V từ khoảng tháng 8 năm 2013 đến nay mà vợ chồng không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân của vợ chồng đã kéo dài, nên nay ông V cương quyết xin được ly hôn với bà D. Đối với bà Kim Thị Thúy D theo xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp TC, xã PT và với người thân trong gia đình bà, thì xác định bà D vẫn có địa chỉ cư trú tại địa phương, mặc dù hiện nay bà D đi làm công nhân cho công ty ở BD nhưng bà biết việc ông V xin ly hôn với bà, đồng thời người nhà của bà D cũng xác nhận có chuyển cho bà các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,… nhưng bà D không đến Tòa, không cung cấp lời khai, cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà với ông V. Bà không thể hiện thiện chí về việc mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông V.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Ông V, bà D xác lập hôn nhân từ năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn (khoảng bảy tháng). Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc

sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi có bất đồng xảy ra, vợ, chồng không hài hòa về cách cư xử của bản thân, đã tự ý sống ly thân nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng ông V, bà D đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Theo các Biên bản tiếp xúc và xác minh cùng ngày 01-6-2021 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp TC - xã PT, với bà Nguyễn Thị Th (là mẹ ruột của bà D) cho biết: Sau ngày cưới, ông V, bà D sống chung bên quê của ông V tại ấp T, xã ĐP, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa ông V, bà D, nhưng có biết giữa vợ chồng ông V, bà D sau ngày cưới chỉ sống chung được vài tháng là chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với ông V đến nay đã 08 - 09 năm. Hai vợ chồng này không có con chung. Còn về tài sản chung hay nợ chung thì hiện tại không ai có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với ông V, bà D.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 22-02-2021, 14-4-2021 để ông V, bà D có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng bà D đều vắng mặt không lý do.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng ông V, bà D đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với bà D là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho ông V được ly hôn với bà D.

[8] *Về con chung, tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông Hồ Thanh V xác định quá trình chung sống ông và bà Kim Thị Thúy D không có con chung; không tạo lập tài sản chung; không nợ ai, cũng không ai nợ ông và bà D, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà D đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa án, nên không có lời trình bày của bà về xác định tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét giải quyết về tài sản chung hay nợ chung.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Hồ Thanh V có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hồ Thanh V được ly hôn với bà Kim Thị Thúy D.

2. Về con chung: Ông Hồ Thanh V và bà Kim Thị Thúy D không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Hồ Thanh V và bà Kim Thị Thúy D chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Hồ Thanh Vũ và bà Kim Thị Thúy Diễm chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Hồ Thanh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0004102 ngày 28-01-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đại Phước;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo